



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # 55 111

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN TY
Last Middle First

Current Address 460 Duong Ba Trac P.O. Box 98 Hochiminh City

Date of Birth 1940 Place of Birth Thu Dau Mot

Previous Occupation (before 1975) 1. Lieutenant of ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-28-75 To 07-07-1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
--------------------------------------	---------------------

_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH - VAN - CHA	1906	father
NGUYEN THI KIM VAN	1940	wife
HUYNH THANH SON	07.24-1969	son
HUYNH THANH LAM	05.08.1972	son
HUYNH THANH HO	03.23-1974	son
HUYNH THI BACH XUYEN	10.25-1975	daughter
HUYNH THANH LONG	06.13.1981	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 55111

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VANG TY
Last Middle First

Current Address: 460 Đường Bà Trạc Q.8 TP. HCMinh -

Date of Birth: 1940 Place of Birth: Thị trấn Mót

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 28.6.75 To 7/7/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Huỳnh van Ty²
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01 - Ng ² thi Kim Vân	1940	wife
02 - Huỳnh Thanh Sơn	7/29/89	son
03 - Huỳnh Thanh Lâm	May. 8 - 72	—
04 - Huỳnh Thanh Hồ ²	8/27-74	—
05 - Huỳnh thi Bạch Xuyên ¹	10/25/75	daughter
06 - Huỳnh Thanh Long	6/13/81	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Date: DEC 24 1988

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Re: HUYNH VAN TY

Date of Birth: 1940

IV #: 55111

TIME IN RE-ED. 5 years

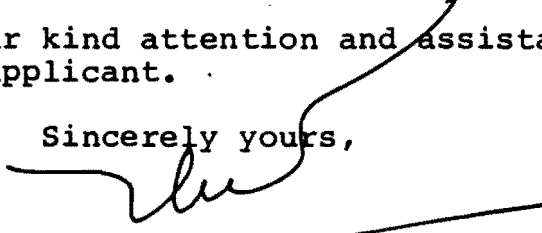
Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the former political prisoner in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to let us know at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,


Khúc Minh Tho (Mrs.)
President

Enclosures.

NOTE:-This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

- It is also requested that the Letter of Introduction be sent to our Association at the address appeared above

✓

ODP CHECK FORM

Date: 6/21/88

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: HUYNH VAN TY

Date of Birth: 1940

Address in VN 460 DUONG BA TRAC - Phường 1
Quận 8 - HCM

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: 5 Years Months Days

IV # 55111 ?

VEWL # 0

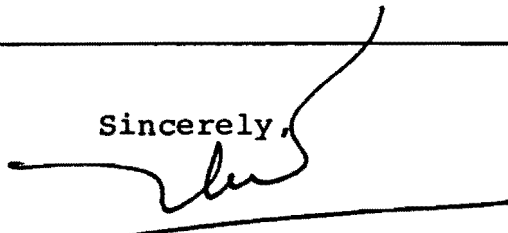
I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks:
(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,



KHUC MINH THO

Tel. # 358-5154 (0) - 560-0058 (H)

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
PO. BOX 5435 - ARLINGTON
VIRGINIA, 22205 - 0035
Mrs. Trúc Hồng Hồ, TEL: (703) 560-0058

*

INTAKE FORM

- NAME: HUỲNH - VĂN - TỶ
- SEX: male ☒ Female ☐
- DATE/PLACE of Birth: 1940, THUẬN GIANG THỦ DẦU MỘT
- MARITAL STATUS: Single ☐ Married ☒
- ADDRESS IN VIETNAM: 460, ĐƯỜNG BÁ TRẠC P.1 Q.8 TP. HỒ CHÍ MINH
- POLITICAL PRISONER: YES ☒ NO ☐
 - If yes, FROM: 28-06-1975 TO: 7-7-1980
 - 12-06-1983 TO: 3-2-1986
- PLACE of RE-education: TRẠI TÂN HIỆP BIÊN HÒA - CẦN THƠ - SÀI GÒN
- Profession: Thất nghiệp
- Education in US: không có
- VN ARMY: RANK: Thiếu úy SERIAL NO: 60/130443
- VN GOVERNMENT POSITION:
 - DATE: FROM: 4-4-1962 TO: 30-4-1975
- APPLICATION FOR ODP? YES ☒ IV NO 55111 NO: ☐
- NUMBER of DEPENDENTS ACCOMPANYING: 03
- NAME of DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES (Listed on PAGE 2)
- MAILING ADDRESS IN VIETNAM:
 - 460 - ĐƯỜNG BÁ TRẠC P.1 Q.8 TP. HỒ CHÍ MINH
- NAME ADDRESS SPONSOR RELATIVE: không có
- US CITIZEN? YES ☐ NO ☐
- RELATIONSHIP WITH PRISONER: Bạn đồng đội?
- NAME AND SIGNATURE: HUỲNH - VĂN - TỶ

- ADDRESS OF INFORMANT
- DATE: 2-4-1988

- NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.):

(listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES	DATE of BIRTH	RELATIONSHIP TO P. A.
1	HUYNH - VAN - CHA	1906	cha ruột
2	NGUYEN - THI - KIM - VAN	1940	vợ
3	HUYNH - THANH - SON	29-07-1969	con trai
4	HUYNH - THANH - LAM	08-05-1972	con trai
5	HUYNH - THANH - HO	27-03-1974	con trai
6	HUYNH - THI - BACH - XUYEN	25-10-1975	con gái
7	HUYNH - THANH - LONG	13-06-1984 (one)	con trai

- ADDITIONAL INFORMATION:

Gôi có lập hồ sơ ODP mẫu Questionnaire gửi tới văn phòng ODP tại BANGKOK, THAILAND và đã được cấp số IV 55.111

Đi không có thân nhân tại Hoa Kỳ cho nên đến nay tôi vẫn chưa được cấp thẻ giới thiệu (LOI)

Gôi trân trọng kính nhờ quý hội can thiệp giúp đỡ cho gia đình chúng tôi được sớm cấp LOI và được định cư tại Hoa Kỳ.

Bên Quý hội nhân viên đây lời cảm ơn chân thành của chúng tôi.

Trân trọng kính chào.

- ENCLOSURES:

- 03 bản sao giấy ra trại.

TRAI TÂN HIỆP

Số: 051/GRT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

ban hành theo

công văn số

2565 ngày 21

tháng 11 năm

1972

SCHSLD:

GIAY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ:

Thị hành án văn, quyết định tha số 75/QĐ ngày 01 tháng 7 năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tồn sáu đây:

Họ, tên khai sinh **HUỖNH VĂN TỶ**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1940

Nơi sinh: Thủ Dầu Một

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt 462 Dương bá Trạc
SG8

Can. l. Thiếu úy SQ. trực Chi khu

Rị bắt ngày Ân phạt
Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Dã bị tăng án lần, công thành năm
Đã được giảm án lần, công thành tháng

Nay vô cư trú tại 462 Đường Bắ, thôn Xuân 8 TP Hồ Chí Minh

Nhân xét quá trình cải tạo

(quản chế tại địa phương 6 tháng, không cư trú trong
Thành phố)

Lăn ngón tay trở phải

của: **HUYỀN VĂN TỬ**

Danh ban số: 005052

Lập tại TÂN HIỆP

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 7 tháng 7 năm 1970

~~Giám~~ thi

Trung tá: ĐÀO-LƯƠNG

Số: 11011/5771

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại UBND Phường 103

Ngày 14 tháng 12 năm 1987

UBND PHƯỜNG 1

THỦ TỊCH

ĐOÀN THƯỜNG

CHÂU MINH TRÍ

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN ĐẶC KHU
VÙNG TÀU - CÔN ĐẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 7/85 /LT

LỆNH THA

Tôi PHẠM VY
Chức vụ Phó giám đốc Công an Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo
Căn cứ quyết định số ngày 4 tháng 7 năm 19 85
Của Công an Đặc khu đối với bị can Huỳnh Văn Tý
Qua cuộc điều tra xét thấy Tội trốn ra nước ngoài, xét không cần thiết truy tố
Căn cứ vào pháp luật hiện hành:

RA LỆNH THA

Họ và tên Huỳnh Văn Tý bị đánh
Sinh ngày tháng năm 19 40
Sinh quán
Trú quán Quê Dương Bá Trạc Pl - Quận 8 - tp/Hồ Chí Minh
Nghề nghiệp

Ông giám thị trại giam Công an Đ.K. Vũng Tàu - Côn Đảo thi hành khi nhận được lệnh này.
Lệnh này gửi đến Ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo
để tường.

Vũng Tàu, ngày 5 tháng 7 năm 19 85

KT. GIÁM ĐỐC CÔNG AN ĐẶC KHU
PHÓ GIÁM ĐỐC

NƠI NHẬN:

- Ông Viện trưởng VKSND Đặc khu để biết.
- để báo cáo
- Ông giám thị trại giam Đặc khu để thi hành
- để biết
- Đương sự khi về trình với Công an địa phương biết.
- Lưu hồ sơ.


PHẠM VY.

Số: 140.4 / 1984

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại UBND Phường 100

Ngày 04 tháng 12 năm 1984

UBND PHƯỜNG 1

CHỦ TỊCH
BÊN THỦ KÝ



CHÂU MINH TRÍ

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN HẢI GIANG

Số: 329 /LT-84

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỆNH THA

Tôi: PHẠM VĂN BÉ
Chức vụ: Trưởng Công an Hải Giang
Căn cứ quyết định miễn tố số 10 ngày 10 tháng 05 năm 1984
đối với bị can: Huỳnh Văn Sỹ, cư trú tại quê nhà nước ngoài
Căn cứ vào pháp luật hiện hành:

RA LỆNH THA Quản chế 12 tháng

Họ và tên: Huỳnh Văn Sỹ bí danh: _____
Sinh ngày: _____ tháng _____ năm 1940
Sinh quán: _____
Trú quán: 460 Đường Bá Thước, F.1 Q.8, TP HCM
Nghề nghiệp: _____

Ông Giám thị trại tạm giam Công an Hải Giang
thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND Hải Giang để tương
Hải Giang, ngày 10 tháng 05 năm 1984

Công tác, tiếp xúc nhân:
Huỳnh Văn Sỹ có tên trình diện:
tại công an trại
ngày 10.5.1984.

Trưởng công an
PHẠM VĂN BÉ

Ông Viện trưởng VKSND HG

_____ để tương

_____ để báo cáo

Ông Giám thị trại tạm giam

CHH để thi hành

_____ để biết

Đương sự khi và tiếp xúc với

Công an F.1

_____ để biết

PHỤ GIAM ĐU



NGUYỄN NGỌC NHƯ

Phạm Văn Bé

Số: **1104** / SY/P1

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại UBND Phường 10B

Ngày **14** tháng **11** năm 198**7**

UBND PHƯỜNG 1

CHỦ TỊCH

THỦ KÝ



CHÂU MINH TRÍ

Klaus
54

check 00P

Hupis van Ty²

Mrs KHUC - Vinh - 2410¹⁹⁸⁸

P.O. - Box - 5455 - Arlington

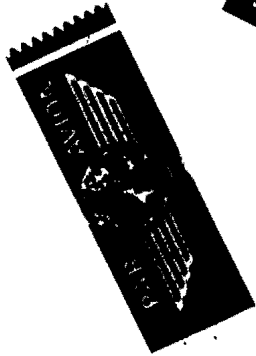
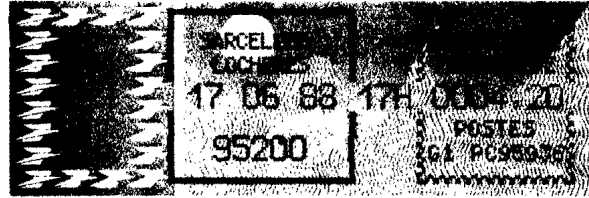
Virginia - 22205 - 0035

U.S.A

LETTE

SARCELLES
LOCHES
95200

REPUBLIQUE
FRANCAISE
POSTES
61 PC95936



Kính Gởi :

Bà Chúc Mừng Sinh Nhật
PO. Box 5435 - ARLINGTON
VIRGINIA, 22205-0635
USA

Exp. HUYNH-VĂN-TỶ - 460 ĐƯỜNG BÁT TRẠC Q.8
HỒ CHÍ MINH CITY VIỆT NAM



Embassy of the United States of America

DATE: Sep 18 1989

IV: 55111

PA: Huynh Van Ty

Khac Minh Tho
P.O Box 5435
Arlington
VA 22205-0635

Dear Khac Minh Tho

This is in response to your inquiry of Dec 24 1988 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on Huynh Van Ty's 5 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program

DEPARTMENT OF STATE, U.S.A.

OFFICIAL BUSINESS

PENALTY FOR PRIVATE USE, \$300

AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP)
BOX 58
APO SAN FRANCISCO 96346-0001

AN EQUAL OPPORTUNITY EMPLOYER

Khac Minh Tho.

P.O. Box 5435

Arlington

VA 22205-0635



POSTAGE AND FEES PAID
DEPARTMENT OF STATE
STA-501

Saigon, ngày 20-10-1988

Kính Bả Hôn Trưởng,

Gửi rất hân hạnh và vui mừng nhận được thư của Bả để ngày 14-8-1988 và đây tôi phải gửi các loại giấy tờ cần thiết để bổ túc hồ sơ.

Gửi với vâng gửi ngay đến Bả với niềm hy vọng tràn đầy và sự tin tưởng mãnh liệt vào sự can thiệp của Quý hội.

Đã trong sự hoạt động của Quý hội, kính xin Bả vui lòng cho biết hệ lại với - văn phòng ODP ở Bangkok, và một bộ phận của văn phòng ở số 6, khu vực An Ninh, mà tôi đã gửi rất đầy đủ mọi giấy tờ, hình ảnh cần thiết của bản thân và gia đình.

Để tìm hiểu vị trí đơn vị cũng như phần của tiền nên có của quý hội do Bả lãnh đạo đã can thiệp được để giúp tôi về gia đình cũng có niềm tin, mà bây giờ đây - kể từ năm nay đơn (1982), tôi không có một tin tức cũng như sự trả lời của văn phòng ODP ở Thailand.

Cây đời sự cuối cùng tôi chỉ biết thông cây vào Bả và Quý hội giúp đỡ tâm tình để sớm đạt thành sở nguyện.

Nếu liên lạc thường với tôi có phần không tiện, kính xin Bả liên lạc với bạn tôi cũ ngụ tại:

Mr. TRUNG. QUANG. LÊ

USA

Để truyền đạt lại tin tức của Quý hội cũng được.

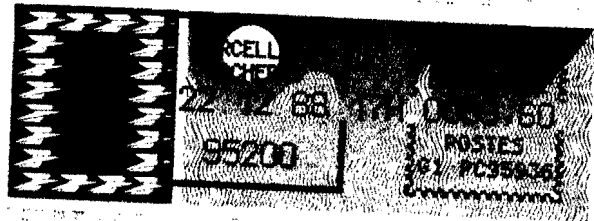
Kính chúc Bà và Quý họ được dồi dào sức khỏe
để đạt được nhiều thành tích để phụng sự của dân.

Kính thư

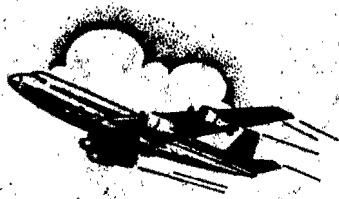
Thân

Huỳnh Văn Bý

HỒ SỔ BỒ TÚC



DEL 3 / 1988



Mrs. Phuc Minh. Gho
P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA 22205-0635

USA

PAR AVION VIA AIR MAIL

FROM : Huyus - van - By, 460 đường Bà-Trạc Q.8
Hố chí hính city Việt Nam



Embassy of the United States of America

DATE: Sep 18 1989

IV: 55 111

PA: Huynh Van Ty

Khac Minh Tho

P.O Box 5435

Arlington

VA 22205-0635

Dear Khac Minh Tho

This is in response to your inquiry of Dec 24 1988 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on Huynh Van Ty's 5 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program



Embassy of the United States of America

DATE: Sep 18 1985

IV: 55111

PA: Huynh Van Ty

Khac Minh Tho

P.O Box 5435

Arling ton

VA 22205-0635

Dear Khac Minh Tho

This is in response to your inquiry of Dec 24 1985 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on Huynh Van Ty's 5 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
MRS KHUÏC MINH THO (Tel. (703) 580-0058)
PO. BOX 5435 - ARLINGTON
VIRGINIA, 22205-0635 USA

INTAKE FORM

NAME : HUYNH VAN TY
SEX : MALE : ☒ FEMALE : ☐
DATE/PLACE of birth : 1940 THUẬN GIÀO THỦ DẦU MỘT
MARITAL STATUS : SINGLE : ☐ MARRIED : ☒
ADDRESS IN VIETNAM : 460, ĐƯỜNG BÁ TRẠC P.1 Q.8 TP/HCMINH
POLITICAL PRISONER ? YES : ☒ NO : ☐
if YES ; FROM : 28-6-1975 TO : 7-7-1980
PLACE of RE-EDUCATION : TRẠI TÂN HIỆP (BIỂN HÒA VÀ BÌNH LONG)
PROFESSION : THỢ MỘC (hiệu thiết giáp)
EDUCATION IN US : không có
UN army : RANK : thiếu úy SERIAL NO : 60/130443
UN GOVERNMENT : POSITION : /
DATE : FROM : 4-4-1962 TO : 30-4-1975
APPLICATION for ODP ? YES : ☒ IV.NO : 55111(?) NO : ☐
NUMBER of DEPENDENTS ACCOMPANYING : 7
NAME of DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES : (listed on page 2)
MAILING ADDRESS SPONSOR RELATIVE : không có
US CITIZEN ? YES : ☐ NO : ☐
RELATIONSHIP WITH PRISONER : bạn đồng đội

NAME AND SIGNATURE : Huỳnh Văn Ty

ADDRESS of INFORMANT :

Ông PHARAMOND
9, allée Antoine Bourdelle
95.200 Sarcelles Sochères FRANCE.
(ah3 gửi chuyển tiếp về VN cho HUYNH VAN TY)
* gửi theo các này thư đi mời nhau.

DATE : 8-6-1988

NAME of PRINCIPAL APPLICANT (P.A.): HUYNH-VAN-TY
(listed on page 1)

NAME of DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES	DATE of BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1. HUYNH-VAN-CHA	1906	cha ruột
2. NGUYEN-THI-KIM-VAN	1940	đó
3. HUYNH-THANH-SON	29-7-1969	con trai
4. HUYNH-THANH-LAM	8-5-1972	con trai
5. HUYNH-THANH-HO	23-3-1974	con trai
6. HUYNH-THI-BACH-XUYEN	25-10-1975	con gái
7. HUYNH-THANH-LONG	18-6-1981	con trai

ADDITIONAL INFORMATION:

- Tôi có laptop hồ sơ ODP năm. Questionnaire gửi đến văn phòng ODP tại Bangkok (THAILAND) nhận ngày 3-9-198 (căn cứ phiếu hỏi báo của bưu điện) vì không có thẩm nhân tại Hoa Kỳ cho nên đến nay tôi chưa nhận được một văn bản nào của văn phòng ODP ở Bangkok cấp cho tôi như số IV và L01. Vào năm 1987, tôi có gửi đến văn phòng ODP ở Bangkok thêm một cái thư trần tình (đính kèm theo đây) và một tập giấy tờ gồm giấy ra trại, tùy thân, hồ sơ và hình ảnh của gia đình mà cũng không thấy giải lời. Cũng vào năm này (1987) tôi có nhờ một người bạn ở địa điểm cũ ở NEW YORK lúc tìm kiếm hồ sơ của tôi và người bạn này sau một thời gian - viết thư cho biết hồ sơ của tôi có số IV số 55.111 và vì có hình ảnh không đúng thức (không có văn bản cơ quan liên hệ cấp) nên tôi còn bán tin bán nghi. Các đây hơn 2 tháng, tôi có gửi đến Quý Hội 1 cái thư với tập giấy tờ hình ảnh những vì tôi đề tài địa chỉ 1 số thay vì 0638 tôi lại viết 0035, nên không biết Quý Hội có nhận được hay không.

Ngày, một lần nữa, tôi trần tình nhờ Quý Hội can thiệp giúp tìm, lo cho gia đình tôi được sớm tìm kiếm tại Hoa Kỳ và nếu có thể xin Quý Hội gửi cho các loại giấy tờ chứng nhận (IV, L01, etc.), hoặc chỉ dẫn tôi thêm những điều phải làm nếu có, để tôi vững lòng chờ đợi. Rất mong sớm nhận được tin của Quý Hội.

Kính Quý Hội nhận lời thay lời cảm ơn chân thành của tôi. Trân trọng kính chào.

Mr. HUYNH-VAN-TY
460 Duong-Ba-Trac St.
Phuong 1, quan 8
Ho-Chi-Minh city, VIETNAM

To: The Director of Orderly Departure Program
Panjabum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, THAILAND

Subject: Request for being opened the IV file and issued a "Letter of Introduction"

Dear Sir,

I, the undersigned Huynh-Van-Ty, was born in 1940 at Thu-Dau-Mot, a former ARVN Officer, Presently residing at 460 Duong-Ba-Trac St., Phuong 1, quan 8, Ho-Chi-Minh city, Vietnam.

Would like to request you for consideration and assistance, as follows:

I am a former second Lieutenant, bearing a service number 60/130443 in function of an Officer of the Day of Sub Sector GIAO-DUC (My-Tho) under the commanding of Major NGUYEN-VAN-HAC, the chief of Sub Sector. My time of service was from April 1962 to April 30, 1975. In the period from September of 1968 to November of 1970, when I was a platoon leader of the 1st Battalion/33rd Regiment/21st Division in Soc-Trang, I always worked beside one American Advisor whose name I forget but I still keep a picture of him and me together when at work.

In the event of April 30, 1975, I felt to the fate of many ARVN Officers who was sent to the Reeducation camp, and I had to spent time of over 5 years in 4 camps of Trang-Lon Tay-Ninh, An-Duong Bien-Hoa, Tan-Hiep Bien-Hoa and Tan-Hiep 2 Binh-Long from June 1975 to July 1980. From June of 1983 to May 1984 I was again sent to the Reeducation Camp for I was caught on the way of crossing over frontier for freedom.

Dear Sir,

I am a simple officer in rank, but don't know how to express what has been in mind about the distress and suffering that I had passed through, especially the big event of my family in October of 1974 at Giao-Duc District, Dinh-Tuong Sector (My-Tho), in which we were the real victims of war when a shell fell to my house to kill my 3 children at spot, Huynh-thi-Kieu-Nhi (1966), Huynh-Van-Binh (1968), Huynh-thi-Kim-Ngan (1970) and another three got seriously hurt, my wife Nguyen-thi Kim-Van, Huynh-Thanh-Son (son), Huynh-Thanh-Lam (son). In that time we was consoled by the Vietnamese charitable agency and the International RED CROSS.

5 years ago, when knowing the US government pay attention to those who spent many time in the reeducation camp by opening the Orderly Departure Program, I then made an application of August 23, 1982 including of a Questionnaire and family documents to the ODP Office requesting for Immigration Processing but since then, We haven't received anything back.

Therefore I wish to call your kind generosity and humanity to consider my case in opening the IV file number and issue us a "Letter of Introduction" to the Vietnamese government in order to be granted the Exit Permit to the United States of America under the ODP.

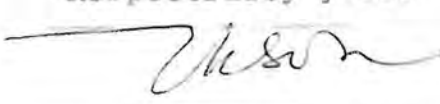
Names list of relatives who wish to accompany me:

HUYNH-VAN-CHA	1908	MY FATHER
1/Nguyen-thi Kim-Van	1940	My wife
2/Huynh-Thanh-Son	1969	My son
3/Huynh-Thanh-Lam	1972	My son
4/Huynh-Thanh-Ho	1974	My son
5/Huynh-thi Bach-Xuyen	1975	My daughter
6/Huynh-Thanh-Long	1981	My son

We appreciate it very much if you could give this request a favorable consideration and approval.

We look forward to hearing from you soon.

Respectfully yours


Huynh-Van-Ty



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYONH VAN TY²
Last Middle First

Current Address 460 DUYEN BACH F1 28 Ho Chi Minh City VN

Date of Birth 1940 Place of Birth THU DAI MOT VN

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lieut.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6.28.1975 To 7.7.1980
(54)

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES Name _____
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH VAN TY
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGUYEN Thi KIM VAN	1966	Wife
2 HUYNH THANH CON	1969	son
3 HUYNH THANH LAN	1972	son
4 HUYNH THANH HA ²	1974	son
5 HUYNH Thi BACH DUYEN	1975	daughter
6 HUYNH THANH LONG	1981	son.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:



Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HUYNH-VAN-TY Sex: NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : không có
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 1940 THUẬN GIÁC THỦ DẦU MỘT
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 440, QUANG BA TRẠC P.1 Q.8 TP. HỒ CHÍ MINH
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : - id -
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : thợ mộc (khi bán gỗ...)

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. NGUYỄN THỊ KIM VÂN	1940	THUẬN GIÁC	NỮ	Đã lập gia đình	vợ
2. Huỳnh Thanh Sơn	1969	Sài Gòn	NAM	Độc thân	con trai
3. Huỳnh Thanh Lâm	1972	Sài Gòn	NAM	Độc thân	con trai
4. Huỳnh Thanh Hùng	1976	Sài Gòn	NAM	Độc thân	con trai
5. Huỳnh Thị Bắc Huyền	1975	Sài Gòn	NỮ	Độc thân	con gái
6. Huỳnh Thanh Long	1981	Sài Gòn	NAM	Độc thân	con trai
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ không có

a. Name

Họ, Tên :

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình :

c. Address

Địa-chỉ :

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ :

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên :

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình :

c. Address

Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha :

HUYỀN-VÂN-CHÀ (1906) sống

2. Mother

Mẹ :

Nguyễn Thị Thanh chết

3. Spouse

Vợ/Chồng :

Nguyễn Thị Bim Vân (1940) sống

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

không có

5. Children

Con cái:

(1)

Huyền Thanh Sơn

sống

(2)

Huyền Thanh Lâm

sống

(3)

Huyền Thanh Hồ

sống

(4)

Huyền Thị Bắc Duyên

sống

(5)

Huyền Thanh Long

sống

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

không có

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation : do biên cô' 30-4-1975
 Lý do nghi việc : (không có lý do riêng)
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ : có anh, không nhớ tên
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
 tại Viet-Nam : không có
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: _____ Date received: _____
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: không có Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có _____ Không _____.)

G. Training outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: không có
2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From _____ To _____
 Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Huỳnh-vân-Tý
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
 Thời gian học-tập Từ: 28-6-1975 Đến: 7-7-1980
3. Still in Reeducation?* Yes _____ No _____
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không _____

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

- Gửi gởi hồ sơ (questionnaire) đến văn phòng ODP Thailand ngày 03 tháng 9 - 1982
- Gửi thư 2, với đầy đủ giấy tờ đến văn phòng ODP Thailand ngày 27 tháng 8 - 1987
- Gửi thư 3, với đầy đủ hồ sơ đến Tổ công tác VN-Hà Nội ngày 9-11-87

Signature _____ Date _____
 Ký tên : Upton Ngày: 18-10-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1 photo giấy chứng minh nhân dân
- 1 photo giấy hôn thú
- 1 tấm hình
- 1 photo giấy ra trại
- 1 photo hồ khẩu

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name *không có*
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: *HUYNH-VAN-TY*

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ *tháng 4/1962* Đến *30/4/1975*

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : *thiếu úy* Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: *607130443*

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chúng : *chi khu giáo dục huyện*

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : *thiếu tá Nguyễn Văn-Hàc*

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM 1969 (BƯC) Nhất
Extrait du registre des actes de mariage de l'année Degré
LÀNG CỬA-CHIẾN TỈNH Phong-Bình (NAM PHẦN)
Du village de Province de Sud Viêt Nam

NĂM 1969 SỐ HIỆU 21
Act; No

Vợ chồng tôi ký tên dưới đây
là **Nguyễn-văn-Tý** và **Nguyễn-thị-kim-Vân**
kín o với nhau trước ngày **24.01.1969**
thủ o xong cũng hai oai như sau:
1-) **Nguyễn-thị-kim-Vân**, nữ, sinh ngày
07.11.1966 tại Saigon.
2-) **Nguyễn-văn-Bình**, nam, sinh ngày
8.5.1968 tại Saigon.
Tất cả hai oai, oai sinh tại Saigon.
Cửa-CHIẾN, ngày 24.01.1969
Chồng **Nguyễn-văn-Tý**
Vợ **Nguyễn-thị-kim-Vân** (tư oai)

Tên họ người chồng
(Nom et prénom de l'époux)
Sinh tại chỗ nào
(Lieu de la naissance)
Sinh ngày nào
(Date de la naissance)
Tên họ cha chồng (sống chết phải nói)
(Nom et prénom du père de l'époux
(indiquer s'il est vivant ou décédé))
Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói)
(Nom de prénom de sa mère
(indiquer s'il est vivant ou décédé))
Tên họ người vợ
(Nom et prénom de l'épouse)
Vợ chánh hay vợ thứ
(Son rang de femme mariée)
Sinh tại chỗ nào
(Lieu de la naissance)
Sinh ngày nào
(Date de la naissance)
Tên họ cha vợ (sống chết phải nói)
(Nom et prénom du père de l'épouse
(indiquer s'il est vivant ou décédé))
Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói)
(Nom et prénom de sa mère
(indiquer s'il est vivant ou décédé))
Ngày kết hôn
(Date de mariage)

Nguyễn - văn - Tý
Thị-kim-Vân (Thị-kim-Vân)
1940
Nguyễn-văn-Chi
Nguyễn-thị-Thị-kim (chết)
Nguyễn-thị-kim-Vân
Vợ chánh
Thị-kim-Vân (Vợ-kim-Vân)
1940
Nguyễn-hữu-Sinh
Nguyễn-thị-Chi-an
24.01.1969

Trích y bản chánh
Pour extrait conf. emp.

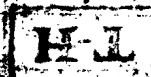
Cần thơ, ngày 23.10 1974

CHÁNH LỤC SỰ
LE GREFFIER EN CHEF

-Lê-quang-Tết-

Giá tiền 20.00
Coi II 560
Biên lai số
Quittance No

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu 	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	
(Empty space for additional information)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 81158 CN

Họ và tên chủ hộ: *Trần Văn Phát*
 Ấp, ngõ, số nhà: *460*
 Thị trấn, đường phố: *Đường Thái Bình*
 Xã, phường: *Chợ*
 Huyện, quận: *Phước*

Ngày cấp: tháng 3 năm 1982
 Trưởng công an: *Quản 8*
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

THỦ LƯU: *Nguyễn Văn Xuân*

Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Tống Văn Phát	Chủ hộ	Nam	1946	020125923		1.10.76		
02	Le Mai Ngọc Hoa	Vợ	Nữ	1948	020996783	Thẩm Ban Tà Xi	1.10.76		
03	Le Hai Long	Con	Nam	1972			1.10.76		
04	Tống Ngọc Lan	Con	Nam	1975			1.10.76		
05	Nguyễn Thị Kim Nam	Con	Nữ	1990	021660397	Nhà trọ	14.7.81		
06	Huỳnh Thanh Yon	Con	Nam	1969	022400687		14.7.81		
07	Huỳnh Thanh Lâm	Con	Nam	1972			14.7.81		
08	Huỳnh Thanh Hồ	Con	Nam	1973			14.7.81		
09	Huỳnh Thị Bạch Tuyết	Con	Nữ	1975			14.7.81		
10	Huỳnh Thanh Long	Con	Nam	1981			14.7.81		
11	Tống Ngọc Quy	Con	Nam	16.7.1955			05.8.1955		
12	Huỳnh Văn Bý		Nam	1940			28.3.78		

Số: 0210/SY/01

CHỦ NHẬN CÔNG Y BẢN CHÁNH

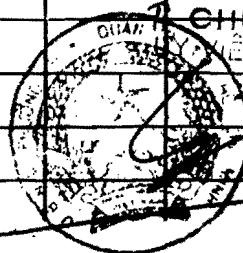
Chức danh: ...

Ngày 5 tháng 4 năm 1988

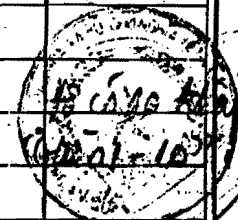
UBND PHƯỜNG 1

CHỦ TỊCH

CHỖ CHỮ KÝ



CHAU MINH TRI



...

...

Địa chỉ bạn thân & bạn :

Mr TRUNG - QUANG - LEE

USA

Huyện Văn Thủy - 460 Đường Bè Trac Q.8
SAIGON - VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022430855

Họ tên **HUYỀN VAN TỶ**



Sinh ngày 1940

Nguyên quán Thuận Giao

Sông Bé

Nơi thường trú 460/ Dương Bá-
Trạc, P.1, Q.8, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc.

Kinh

Tôn giáo

Phật

ĐẠI VIỆT RIÊNG, HOẶC DI HÌNH

Sọc tròn 0,6cm c, 1cm
Hướn trước đầu máy
trái.

Ngày 19 tháng 05 năm 1988

QUỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN

han
Niết Chanh

NGON TRO I RAI

NGON TRO PHAI



TRAI - TÂN HIỆP

Sõ: 225 / GRT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

ban hành theo

công văn số

2565 ngày 21

tháng 11 năm

1972

SCHSLD:

GIAY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 75/QĐ ngày 01 tháng 7 năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUỖNH VĂN TỶ

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1940

Nơi sinh: Thủ Dầu Một

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 162 Dương bá Tra
SG8

Can tồ Thiều úy SQ, trực chi khu

Ri bắt ngay

Ấn phát

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã hi tăng án lần, công thành năm

Đã được giảm án lần, công thành tháng

Nay vợ cư trú tại 462 Dương Bá trạc Quận 8 TP HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(quản chế tại địa phương 6 tháng, không ở trú Trung
Thành phố)

Lăn ngón tay trở phải

của: HUYNH VAN TY

Danh bản số: 005052

Lập tại TÂN HIỆP

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày tháng năm

Giám thi

Huyệu Văn Bý

Trung tá: ĐÀO-LUÔNG

Số 1404/SVP

CHỨNG NHẬN GIỐNG 7 BÀN CHÁNH

Xuất trình tại UBND Phường 100

Ngày 14 tháng 12 năm 1987

UBND PHƯỜNG 0

CHỦ TỊCH

THỦ LƯU THƯ KÝ



CHÀU MINH TRÍ

460, DƯƠNG BÁ TRẠC P.1 Q.8
Tp/HCM - Việt Nam
IV : 55 III

Saigon, ngày 26 - 9 - 1991

Kính Bà,

Gửi Kính gửi đến Bà và Quý hội
một cái thư tiếp theo bức thư của tôi gửi đến Bà
ngày 11 - 11 - 1989 trước đây,

Trong suốt thời gian từ đó đến nay,
tôi đã nhận được về phía chính quyền VN nhiều
hộ chiếu (passports) cho cả gia đình tôi. coi như
chính thức cho phép tôi và gia đình được xuất cảnh
đi Mỹ. Tôi xin gửi tất cả bảy bản sao của bảy
hộ chiếu đến Bà và Quý hội để tùy nghi và
cũng để nhắc nhở Bà và Quý hội quan tâm đến
tương hợp của tôi và ước vọng được Bà và Quý
hội tận tình chiếu cố giúp đỡ đặc biệt. Tôi nguyện
trân trọng Bà và Quý hội suốt đời.

Ước nguyện của tôi được rời khỏi
VN sớm nhất có thể ngay đó vì hiện tại - ngoài
tình thân - nay còn thêm kinh tế gia đình của tôi
đã đến hồi kiệt quệ do tôi dồn hết nỗ lực lo
cho các con tôi, mỗi đứa có một cái nghề riêng
chạy.

Gửi thêm khoản tiền của đến Bà và Quý
hội và xin vâng mong có tiếp vãng lai...

Kính chúc Bà và Quý hội đạt được
nhiều thành quả lớn lao trong công tác nhân đạo.
Kính chào Bà



HUỲNH VĂN TÝ

IV: 55.111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam đề nghị các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi, ở, đi sang và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 47614/90-BX1

Họ và tên *Full name*

HUYNH VĂN TỰ

Ngày sinh *Date of birth*

1940

Nơi sinh *Place of birth*

Sông Bé

Chỗ ở *Domicile*

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Chữ ký

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.7.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 7 năm 1990

Issued at Hanoi on 28th July 1990



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHỈ
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Phuỳnh Thanh Long

Ngày sinh Date of birth

1981

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

ĐI CHỖ — REMARKS

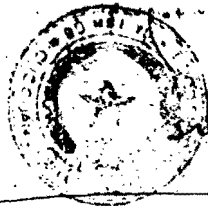
THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC VI AT CANH

4761A
ông Huỳnh Văn Ty
Đất

Tân sơn nhất
28-01-1991

28-01-1990



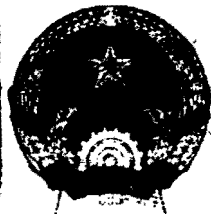
Thủy

IV : 55 111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại một cách an toàn và được tạo mọi sự thuận lợi và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

N^o: PT 47626/90 Đ 1

Họ và tên Full name

HUYNH THỊ BẠCH XUYẾN

Ngày sinh Date of birth

1975

Nơi sinh Place of birth

T. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

T. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Xuyen

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.7.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 7 năm 1990

Issued at Hanoi ngày 28 tháng 7 năm 1990



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

VIỆT NAM

DI CHÚC — REMARKS

THẺ THƯỚC — VISA

THẺ XUẤT CẢNH

41626 AL
Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Tên sinh nhân

22-01-1991

28-1-1990

CHỖ QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



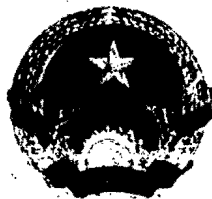
Thường

IV : 55 111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước có liên quan cho phép
hộ chiếu này được đi lại tự do và được
tạo mọi sự thuận lợi và cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
số PT 47624/90 K 1

Họ và tên Full name

HUỖNH THANH HỒ

Ngày sinh Date of birth

1979

Nơi sinh Place of birth

Tiền Giang

Chỗ ở Domicile

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Thy

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày:

This passport is valid up to

22.7.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 7 năm 1990

Issued at Hanoi on 28th July 1990



Nguyễn Thị Hương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHỈ
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

VIỆT NAM
Nam

BÌ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

AT624
Huyện Thanh Hồ

Tên sau nhất
28-01-1991

28-01-1990



Philon

IV : 55 411

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam xin cầu các nhà
chức trách ở nước ngoài của Việt Nam
và các nước cộng đồng người mang hộ
chiếu này được tự do đi lại và được
tạo điều kiện thuận lợi cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
NĐ PT 476 22/90-ĐK1

Họ và tên Full name

HUYNH THANH LAM

Ngày sinh Date of birth

1972

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Thanh Lam

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.7.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

HỘI TẤT CẢ CÁC QUỐC

ONE) I AM A MEMBER

Cấp tại Hà Nội ngày 18 tháng 7 năm 1990

Issued at

CỤC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHỈ
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

VIỆT NAM
NAM

BÍ CHU — REMARKS

THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC XUẤT CẢNH

AT 6/2
Huỳnh Thanh Lâm

HỌ CHỖ SỐ QUÂN

Tên số nhất

22/01/1991

22/01/1990

CHỖ ANH HỮU

THỰC THỰC



Phong

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại, đi đường và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

IV : 55 111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 47620/90-Đ 1

Họ và tên Full name

HOANG THANH SON

Ngày sinh Date of birth

1969

Nơi sinh Place of birth

TP: Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

TP: Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hoàng Thanh Sơn

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.7.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 2 tháng 7 năm 1990

Issued at HANOI ngày 2 tháng 7 năm 1990



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC XUẤT CẢNH

47640
Huỳnh Thanh Sơn

CỤC CHỨNG NHẬN HẠNG

phân cấp nhất

15-01-1991

15-01-1990

CỤC CHỨNG NHẬN HẠNG



Nguyễn Phương

IV: 55111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước khác trên đường mang hộ
chiếu này được đi qua để đồng ý và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 47616/90-Đ 1

Họ và tên / Full name

NGUYỄN THỊ KIM VÂN

Ngày sinh / Date of birth

1940

Nơi sinh / Place of birth

Vũng Tàu - Côn Đảo

Chỗ ở / Domicile

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Uân

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày:

This passport is valid up to

21.7.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 11 tháng 7 năm 1990

Issued Hanoi 11th July 1990



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỘ CHƯ — REMARKS



THỊ THỰC — DISCUSS

THỊ THỰC QUAT GANH

Minh Văn

HỘI ĐỒNG QUỐC HOẠI

nhất

22.01.1991

4.3.2.1990

CỤC QUẢN LÝ VÀ TÀI SẢN



Phượng

IV : 55.111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại ở đây và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 47618/90-ĐC1

EXPORT BE...

HỌ TÊN và tên Full name

HUỖNH VĂN CHÃ

Ngày sinh Date of birth

1906

Nơi sinh Place of birth

Lũng Khê

Chỗ ở Domicile

TP: Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày 1

This passport is valid up to

21.7.1995

Người nắm hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

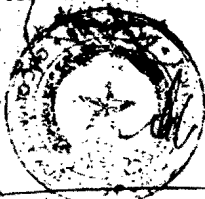
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 7 năm 1990

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP NHẬP



Nguyễn Phóng

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ C

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEA

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC QUÁT CẢNH

Số 47618-XI

Công dân Việt Nam

HỌ TÊN QUỐC DÂN VIỆT NAM

Tên họ nhất

28-01-1991

28-07-1990

CHỖ DÁN VÉ VÀ HẠNG



Nguyễn Phương

PAR AVION
VIA AIRMAIL



h/s hồ tước
Hàng vận chuyển
có xấp xỉ

Bộ Quốc Phòng
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
USA

FROM: HUYNH-VAN-TY - 460 - ĐƯỜNG BÀ TRẠC Q.8
TP. HỒ CHÍ MINH (Việt Nam)

~~COMPUTERIZED~~

Coi lại có lăm
0417 ?